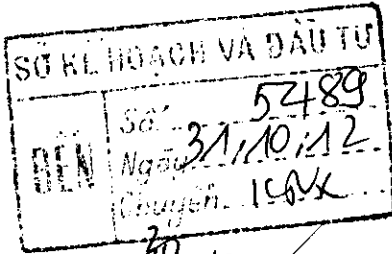


Số: 1961/KH-UBND

Kon Tum, ngày 29 tháng 10 năm 2012



KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án trợ giúp Người khuyết tật
trên địa bàn tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2013 - 2020.

Căn cứ Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020;

Thực hiện Công văn số 2722/LĐTBOXH-BTXH ngày 08/8/2012 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về việc thực hiện Quyết định 1019/QĐ-TTg.

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2013 - 2020. Cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN.

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu tổng quát:

Hỗ trợ người khuyết tật (NKT) trên địa bàn tỉnh phát huy khả năng của mình để đáp ứng nhu cầu bản thân; tạo điều kiện để NKT vươn lên tham gia bình đẳng vào các hoạt động kinh tế- xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng và xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn:

a) Giai đoạn 2013 – 2015:

- Hằng năm 70% số NKT được tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 60% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật; khoảng 600 trẻ em và NKT được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp.

- 60% trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục.

- 300 NKT trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp.

- Ít nhất 50% công trình là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với NKT.

- Ít nhất 50% NKT có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc dịch vụ trợ giúp tương đương.

- Ít nhất 20% NKT được trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- 20% NKT được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật; 20% NKT được hỗ trợ tham gia các hoạt động và luyện tập thể dục, thể thao.

- 90% NKT được trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.

- 60% cán bộ làm công tác trợ giúp NKT được tập huấn, nâng cao năng lực về quản lý, chăm sóc, hỗ trợ NKT; 40% gia đình có NKT được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho NKT; 30% NKT được tập huấn các kỹ năng sống.

b) Giai đoạn 2016 – 2020:

- Hằng năm 90% số NKT được tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 80% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật; khoảng 1.500 trẻ em và NKT được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp.

- 70% trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục.

- 500 NKT trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp.

- 80% công trình là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao; nhà chung cư bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với NKT.

- Ít nhất 80% NKT có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc dịch vụ trợ giúp tương đương.

- 40% NKT được trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- 30% NKT được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật; 30% người khuyết tật được hỗ trợ tham gia các hoạt động và luyện tập thể dục, thể thao.

- 100% NKT được trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.

- 90% cán bộ làm công tác trợ giúp NKT được tập huấn, nâng cao năng lực về quản lý, chăm sóc, hỗ trợ, tổ chức điều hành, phối hợp liên ngành và giám sát, đánh giá trong công tác trợ giúp NKT; 60% gia đình có NKT được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho NKT; 50% NKT được tập huấn các kỹ năng sống.

2. Phạm vi : thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

3. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2020.

II. NỘI DUNG.

1. Phát hiện sớm, can thiệp sớm, phẫu thuật chỉnh hình và cung cấp dụng cụ trợ giúp cho NKT với các hoạt động sau:

a) **Mục đích:** Bảo đảm trẻ em đã sinh ra được mạnh khỏe giảm thiểu mức độ khuyết tật và nâng cao chất lượng dịch vụ phục hồi chức năng cho NKT dựa vào cộng đồng, tạo điều kiện cho NKT hội nhập và tái hội nhập cộng đồng.

b) **Nội dung:**

- Thực hiện các dịch vụ phát hiện sớm những khiếm khuyết ở trẻ trước khi sinh và trẻ sơ sinh; tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản;

- Triển khai thực hiện chương trình can thiệp sớm, phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp NKT, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở;

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị phục hồi chức năng cho các cơ sở phục hồi chức năng;

- Triển khai và hoàn thiện chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

c) **Cơ quan chủ trì:** Sở Y tế

d) **Cơ quan phối hợp:** Sở Lao động - TBXH, Sở Giáo dục - Đào tạo và các Sở, ngành liên quan.

2. Trợ giúp tiếp cận giáo dục:

a) **Mục đích:** Tạo điều kiện để NKT được tiếp cận giáo dục.

b) **Nội dung:**

- Hỗ trợ triển khai giáo dục hòa nhập ở các cấp học thông qua việc xây dựng chương trình, tài liệu; bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý tham gia giáo dục trẻ khuyết tật; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên trực tiếp dạy trẻ khuyết tật trí tuệ, khuyết tật nghe, nói, khuyết tật nhìn, khuyết tật ngôn ngữ, tự kỷ;

- Phát triển nguồn nhân lực cho giáo dục NKT;

- Hỗ trợ tài liệu học tập cho học sinh khiếm thính, sách chữ nổi cho học sinh khiếm thị, học sinh khuyết tật;

- Vận động và tạo điều kiện trẻ em khuyết tật mầm non được can thiệp giáo dục sớm và trẻ khuyết tật trong độ tuổi đi học được đến trường;

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân mở trường, lớp và cơ sở phục hồi chức năng giành cho trẻ em khuyết tật.

c) **Cơ quan chủ trì:** Sở Giáo dục - Đào tạo.

d) **Cơ quan phối hợp:** Sở Lao động - TBXH, Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan.

3. Dạy nghề và tạo việc làm:

a) Mục đích: Giúp NKT có nghề và việc làm (hoặc tự tạo việc làm) để vươn lên tự lập cuộc sống.

b) Nội dung:

- Tư vấn học nghề, việc làm và lựa chọn học nghề và việc làm theo khả năng của NKT;

- Xây dựng và thí điểm mô hình dạy, học nghề tạo việc làm cho NKT;

- Dạy nghề, tạo việc làm phù hợp cho NKT;

Kinh phí dạy nghề cho NKT được bố trí trong Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề với mức hỗ trợ tối đa 6 triệu đồng/người/khóa học.

c) Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - TBXH.

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giáo dục & Đào tạo và các Sở, ngành liên quan.

4. Trợ giúp tiếp cận và sử dụng các công trình xây dựng:

a) Mục đích: NKT tiếp cận và sử dụng thuận lợi các công trình xây dựng công cộng.

b) Nội dung:

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng để NKT tiếp cận, sử dụng các công trình xây dựng;

- Giám sát các thiết kế xây dựng mới hoặc cải tạo các công trình công cộng về trụ sở cơ quan nhà nước; nhà ga, bến tàu, bến xe; Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Cơ sở giáo dục, dạy nghề; Công trình văn hóa, thể dục, thể thao; Đường và hè phố, tiện nghi đường phố; Chợ, trung tâm thương mại để NKT tiếp cận.

c) Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng

d) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành liên quan.

5. Trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông:

a) Mục đích: NKT tiếp cận và tham gia giao thông công cộng thuận lợi.

b) Nội dung:

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về giao thông tiếp cận để NKT có thể tiếp cận, sử dụng;

- Xây dựng một số tuyến mẫu và nhân rộng các xe vận tải hành khách công cộng để NKT tham gia giao thông;

- Chuyển tải các chương trình, giáo trình, tài liệu và tập huấn cho lái xe phục vụ hành khách là NKT sử dụng phương tiện giao thông.

c) Cơ quan chủ trì: Sở Giao thông- Vận tải

d) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành liên quan.

6. Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông:

a) Mục đích: Giúp NKT tiếp cận và sử dụng thuận lợi có hiệu quả các phương tiện truyền thông, phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cho NKT.

b) Nội dung:

- Phổ biến các công cụ tiện ích hỗ trợ NKT tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông;

- Duy trì các cổng/trang tin điện tử hỗ trợ NKT;

c) Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông

d) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành liên quan.

7. Trợ giúp pháp lý:

a) Mục đích: Giúp NKT tiếp cận với các văn bản luật liên quan đến vấn đề khuyết tật và NKT.

b) Nội dung:

- Truyền thông về trợ giúp pháp lý cho NKT thông qua các hoạt động thích hợp; Thực hiện trợ giúp pháp lý cho NKT.

- Xây dựng các chương trình, tài liệu và tập huấn bồi dưỡng cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý và các thành viên Ban chủ nhiệm trợ giúp pháp lý cho NKT;

c) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp

d) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành liên quan.

8. Hỗ trợ NKT trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch:

a) Mục đích: Cải thiện và nâng cao đời sống tinh thần cho NKT.

b) Nội dung:

- Tập huấn sáng tác hội họa, âm nhạc cho NKT;

- Tạo điều kiện để NKT tham gia thi đấu thể thao trong nước và ngoài nước.

- Xây dựng hoặc bố trí Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao cho NKT; tổ chức các hội diễn văn nghệ, hội thao dành cho NKT

c) Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

d) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành liên quan.

9. Nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, hỗ trợ NKT và giám sát, đánh giá:

a) Mục đích: Làm chuyển biến một cách cơ bản nhận thức của xã hội và bản thân NKT về vấn đề khuyết tật và NKT, giúp đỡ tạo điều kiện NKT hòa nhập cộng đồng và khuyến khích sự nỗ lực tự vươn lên của chính NKT. Bảo đảm các chính sách, chương trình dự án, đề án thực hiện đúng mục tiêu, đối tượng, thời gian và có hiệu quả.

b) Nội dung:

- Tổ chức tuyên truyền pháp luật về NKT và những chủ trương, chính sách, chương trình trợ giúp NKT;

- Xây dựng chương trình, tập huấn trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ NKT; Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp NKT; Tập huấn cho gia đình NKT về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho NKT; tập huấn các kỹ năng sống cho NKT;

- Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm trợ giúp NKT của các tỉnh bạn và một số nước có mô hình trợ giúp tiêu biểu;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về NKT trên địa bàn tỉnh;

- Kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện kế hoạch theo từng giai đoạn và các chính sách, pháp luật đối với NKT.

c) Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - TBXH

d) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác trợ giúp NKT, huy động các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia trợ giúp NKT:

- Để bảo đảm thực hiện các mục tiêu của kế hoạch, áp dụng cơ chế huy động đa nguồn lực, trong đó Ngân sách nhà nước vẫn chiếm vị trí quan trọng.

- Từng bước điều chỉnh định mức phân bổ ngân sách nhà nước cho chi đảm bảo xã hội theo hướng tốc độ tăng dần.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả kế hoạch trợ giúp NKT.

2. Đề cao vai trò, trách nhiệm của UBND các cấp và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong việc trợ giúp NKT:

- Cấp tỉnh: Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch, huy động, phân bổ nguồn lực, giám sát, đánh giá trong quá trình thực hiện.

- Cấp huyện: trên cơ sở kế hoạch của tỉnh, lập kế hoạch trợ giúp NKT của địa phương; huy động bổ sung nguồn lực và chủ động phân bổ cho cấp xã; hướng dẫn và giám sát thực hiện của cấp xã, điều tra, thống kê và báo cáo với tỉnh số NKT của địa phương.

- Cấp xã: Xác định NKT, huy động nguồn lực tại chỗ, tổ chức thực hiện các chính sách trên địa bàn, tự giám sát đánh giá.

3. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trên các lĩnh vực phòng ngừa, phát hiện và can thiệp sớm, trị liệu tâm lý, phục hồi chức năng cho NKT

4. Tăng cường kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ kỹ thuật, kinh nghiệm và nguồn lực để trợ giúp cho NKT.

5. Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác trợ giúp NKT:

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp NKT từ cấp tỉnh xuống cấp xã. Nghiên cứu đánh giá nhu cầu đào tạo ở tất cả các cấp, doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể.

- Áp dụng chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo cán bộ trợ giúp NKT do các Bộ, ngành Trung ương ban hành.

6. Tăng cường sự tham gia của người dân, đặc biệt là chính bản thân NKT:

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với NKT và gia đình họ; khuyến khích người dân, nhất là NKT tham gia vào việc thực hiện Kế hoạch trợ giúp NKT, từ việc xác định triển khai các hoạt động, quản lý nguồn lực, giám sát và đánh giá, đảm bảo tính dân chủ, công bằng và minh bạch.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

1. Kinh phí thực hiện bao gồm:

- Ngân sách nhà nước được bố trí từ dự toán chi thường xuyên hàng năm của các sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố; các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án liên quan khác để thực hiện các hoạt động của kế hoạch theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước;

- Đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Trên cơ sở dự toán chi thường xuyên được UBND tỉnh giao hàng năm, các sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao tại mục IV Kế hoạch này tiến hành phân bổ dự toán ngân sách để triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động theo Kế hoạch và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định tài chính hiện hành.

V. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội :

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, các hội, đoàn thể triển khai thực hiện Kế hoạch và định kỳ tổng hợp kết quả của các sở, ban, ngành, hội đoàn thể cấp tỉnh, UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổ chức sơ kết việc thực hiện kế hoạch vào năm 2015 và tổng kết vào năm 2020;

- Phối hợp với các ngành, địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về NKT và các vấn đề khuyết tật cho cộng đồng;

- Tổ chức rà soát, lập sổ theo dõi quản lý NKT; tham mưu UBND tỉnh kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách liên quan đến NKT;

- Tổ chức các chương trình khám, phẫu thuật, chỉnh hình phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật;

- Phối hợp với các ngành y tế, giáo dục, UBND cấp huyện hướng dẫn việc cấp thẻ bảo hiểm y tế; miễn, giảm học phí cho NKT;

- Tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp NKT cấp xã;

- Tổ chức triển khai dự án dạy nghề và tạo việc làm cho NKT.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan đưa các mục tiêu của Kế hoạch trợ giúp NKT vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm.

3. Sở Tài chính:

Trên cơ sở hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án và xây dựng chính sách hỗ trợ dạy nghề cho người khuyết tật, phối hợp Sở Lao động- TBXH tham mưu UBND tỉnh ban hành mức chi cụ thể (nếu có) thực hiện Đề án và xây dựng chính sách hỗ trợ dạy nghề cho người khuyết tật cho phù hợp với thực tiễn của địa phương.

4. Sở Y tế:

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở y tế phát hiện, can thiệp sớm và phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng cho NKT tại cộng đồng;

- Đào tạo, tập huấn cho nhân viên y tế nâng cao năng lực phục hồi chức năng, phát hiện và can thiệp sớm;

- Chăm sóc sức khỏe và cung cấp dụng cụ hỗ trợ cho NKT;

- Đầu tư nâng cấp cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ phục hồi chức năng cho các cơ sở y tế liên quan đến NKT.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, hội đoàn thể, địa phương vận động và tạo điều kiện cho trẻ em khuyết tật trong độ tuổi đi học còn sức khỏe được đến trường;

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện chính sách miễn giảm học phí, các khoản đóng góp xây dựng trường cho học sinh khuyết tật;

- Vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ học bổng, sách vở, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn đến trường;

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện tốt giáo dục hòa nhập; Đầu tư, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và phục hồi chức năng tại các cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu giáo dục hòa nhập và chuyên biệt cho trẻ khuyết tật;

- Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hỗ trợ giáo dục khuyết tật;

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên và biên soạn tài liệu chuyên môn giảng dạy trẻ khuyết tật và giáo dục phòng ngừa khuyết tật.

6. Sở Xây dựng:

Hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt thiết kế và tổ chức kiểm tra việc thực hiện thiết kế thi công xây dựng các công trình công cộng theo đúng quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo điều kiện tiếp cận đối với NKT.

7. Sở Giao thông- Vận tải :

- Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy chuẩn, quy định kỹ thuật về kết cấu hạ tầng giao thông phù hợp với việc tiếp cận của NKT;

- Chỉ đạo các đơn vị tham gia vận tải công cộng có công cụ hỗ trợ và chính sách ưu tiên NKT tham gia giao thông;

- Tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông cho NKT.

8. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp cận thông tin đối với NKT;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan Báo, Đài Truyền hình địa phương tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với NKT, các biện pháp phòng ngừa khuyết tật, phòng chống bạo lực, phân biệt đối xử đối với NKT, tạo điều kiện để NKT tham gia các hoạt động văn hóa xã hội phù hợp và hòa nhập với cộng đồng;

- Đào tạo, hướng dẫn cho NKT tiếp cận các dịch vụ truyền thông và công nghệ thông tin;

- Duy trì, nâng cấp Website của tỉnh về NKT.

9. Sở Tư pháp:

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức việc thực hiện Luật NKT và đẩy mạnh công tác trợ giúp pháp lý miễn phí cho NKT.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Chủ trì, phối hợp các ngành, địa phương tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho NKT.

- Chỉ đạo các cơ sở thể dục thể thao tạo điều kiện để NKT tham gia luyện tập thể dục thể thao.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng phương án cải tạo lối đi tại các công trình thể dục thể thao để thuận tiện cho NKT tiếp cận.

- Tạo điều kiện và tổ chức cho NKT tham gia các giải đấu thể thao, hội thi, hội diễn tại tỉnh và toàn quốc.

11. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ NKT của địa phương hàng năm;
- Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức rà soát, cập nhật thường xuyên biến động thông tin về NKT để quản lý và hỗ trợ phù hợp;
- Thực hiện các chính sách, chế độ trợ cấp xã hội, trợ giúp y tế, giáo dục, học nghề, giải quyết việc làm, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao đối với NKT;
- Vận động các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn hỗ trợ NKT;
- Chủ động bố trí ngân sách và tăng cường huy động các nguồn lực để thực hiện kế hoạch của địa phương;

12. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn lao động tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn, Liên minh Hợp tác xã, Hội Chữ thập đỏ, Hội Bảo trợ Người khuyết tật & Trẻ mồ côi tỉnh, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai, lồng ghép nguồn lực nhằm thực hiện các nội dung trợ giúp NKT theo Kế hoạch, tổ chức tốt công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách trợ giúp NKT.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO:

1. Căn cứ Kế hoạch này yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND các huyện, thành phố theo nhiệm vụ được phân công, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng (vào ngày 15 tháng 6), cả năm (vào ngày 15 tháng 12) gửi về Sở Lao động - TBXH để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Hàng năm tùy theo tình hình đơn vị, địa phương lồng ghép vào các chương trình tổ chức sơ, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm về thực hiện kế hoạch trợ giúp NKT.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Lao động - TBXH để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh./.

Nơi nhận: *sk*

- TT. Tỉnh ủy (B/cáo);
- Bộ Lao động - TBXH;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Lao động - TBXH;
- Sở, ngành liên quan; các tổ chức hội, đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Đ/c CVP - các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



sk
Lê Thị Kim Đơn